

Bản án số: **329/2025/DS-PT**

Ngày: 29 - 8 - 2025

“V/v: Kiện đòi đất bị lấn chiếm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thu Hường

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 224/2025/TLPT-DS ngày 04/6/2025 về việc: “Kiện đòi đất bị lấn chiếm”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư M’gar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2025/QĐ-PT ngày 21/7/2025 và Thông báo chuyển lịch phiên tòa số 20/2025/TB-TA ngày 18/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1991; địa chỉ: Số D X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là số D X, xã Q, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Lê Thanh H1, sinh năm 1956; địa chỉ: Số D X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là số D X, xã Q, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A đường Y, buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là số A đường Y, buôn H, xã C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1. Ông Y Ngũk N, sinh năm 1956;

3.2. Bà H Nhách A, sinh năm 1994;

Cùng địa chỉ: Buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn H, xã C, tỉnh Đắk Lắk– Có mặt).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****/ Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc nguyên đơn ông Lê Thanh H và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh H1 trình bày:*** Ngày 15/8/2020, ông Lê Thanh H1 là cha của ông Lê Thanh H, có mua một mảnh đất của ông Y Ngũ N và bà H Djan A1 tại buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk diện tích trên 400m² trong đó diện tích có bìa đỏ là 170m², đông giáp thửa đất 159 và thửa 310, tây giáp thửa 468 và thửa 157c, mới là thửa 432, phía nam giáp thửa đất 311 + 310, phía bắc giáp thửa 154, giấy CNQSD đất do Ủy ban nhân dân huyện C ký ngày 17/11/2008 đã được chuyển quyền sử dụng đất cho ông H ngày 29/3/2021, còn 01 thửa đất chưa có bìa.

Đầu năm 2021, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X mua lại thửa đất của ông Lưu Tiến T và bà Ung Thị Thanh H2 giáp ranh với thửa đất số 310 và thửa 158 của gia đình ông H1. Ông V, bà X ngang nhiên xây nhà lên một phần thửa đất số 158 của gia đình ông H, không cần các hộ liền kề ký ranh giới đất có tranh chấp hay không, trong khi ông H1 đã nhắc nhở nhưng ông V, bà X không nghe. Ông H đã viết đơn kiến nghị. Ngày 07/5/2021, UBND xã C mời các bên xuống để giải quyết thỏa thuận nội dung tranh chấp đất về ranh giới giữa hai gia đình như trong biên bản làm việc ngày 7/5/2021 của UBND xã C. Trong biên bản của UBND xã C đã vẽ sơ đồ mốc giới rõ ràng nhưng vợ chồng ông V, bà X vẫn xây dựng tường rào ra sát mép đường bê tông ở ngõ xóm, còn lấy luôn phần đất của ông H xây tường rào bao quanh.

Nay đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar hủy bỏ biên bản thỏa thuận của UBND xã C ngày 07/5/2021. Buộc ông V, bà X trả lại toàn bộ diện tích đất lấn chiếm hơn 80m². Trong đó có phần diện tích đất đã được cấp bìa đỏ và phần chưa được cấp bìa đỏ cho ông H. Ông H1 (cha của ông H) sẽ trả lại số tiền 30.000.000 đồng cho ông V, bà X.

****/ Tại bản tự khai và quá trình làm việc bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị X trình bày:***

Khoảng đầu năm 2021 ông bà có mua đất của bà H Nhách Ayũn với diện tích trong bìa đỏ, khi gia đình ông bà mua thì phần đất của ông Lê Thanh H cạnh nhà đã rào lưới b40, bà H N1 đã chỉ và đóng cọc mốc đất cho ông bà, ông bà đã tiến hành làm nhà thì ông H dõ rào để lấn chiếm đất, rồi còn làm đơn lên UBND xã C, công an, địa chính lập biên bản và giải quyết hòa giải xong vụ việc và ông bà đã đưa cho ông H số tiền 30.000.000 đồng phần đất tranh chấp, có xã lập biên bản đóng dấu, ông H đã rút đơn và viết giấy bảo đảm nếu bên nào còn kiện thì sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nay ông H khởi kiện thì ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

****/ Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng bà H Nhách Aýun trình bày:***

Bà là con của ông Y Ngũk N, bà có nhận sang nhượng thửa đất của ông Y Ngũk N bên cạnh đất ông H1, lúc đó ông H1 cũng đã làm hàng rào giữa 02 thửa đất. Đến năm 2021 bà bán lại cho ông V, bà X thì ông H1 nói chiếm đất của ông, sau đó bên quản lý đất đai của xã mời các bên lên giải quyết và bên bà X cũng đã đền bù số tiền mà ông H1 đòi. Đến nay ông H1 còn khởi kiện. Bà xác định đã bán đất cho ông V, bà X là đúng sự thật. Ông V, bà X làm nhà đúng đất của bà đã bán.

****/ Quá trình giải quyết vụ án người làm chứng ông Y Ngũk N trình bày:*** Vào năm 2019 ông có chuyển nhượng 02 thửa đất cho ông Lê Thanh H (con của ông Lê Thành H4), diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 170m² và một thửa chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk với giá 90.000.000 đồng. Phía tây phần đất mà ông chuyển nhượng cho ông H là giáp phần đất của ông V, bà X. Khi ông chuyển nhượng cho ông H thì phần đất giữa hai bên chưa làm hàng rào. Sau khi chuyển nhượng thì ông đã giao diện tích đất cho ông H, ông H4. Hiện nay giữa ông H tranh chấp đất với ông V, bà X thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DSST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đắk Lắk) đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 165, Điều 220, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 174, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh H về việc buộc ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X trả lại diện tích đất 72.8m² tại buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh H phải chịu 6.700.000 đồng tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ông H đã nộp đủ và đã chi phí hết.

[3] Về án phí: Ông Lê Thanh H phải chịu 11.229.427 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007573 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, ông Lê Thanh H còn phải nộp số tiền 10.929.427 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/4/2025, nguyên đơn ông Lê Thanh H có đơn kháng cáo, với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DSST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và đề nghị Toà án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bên phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2025/DSST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Đắk Lắk).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H được nộp trong thời hạn quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ, do đó Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là phù hợp.

[2]. Về nội dung: Xét đơn kháng cáo của ông Lê Thanh H thấy rằng:

[2.1]. **Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Lê Thanh H1 cho rằng:** Năm 2019 nhận chuyển nhượng của ông Y Ngũk N diện tích đất 400m², trong đó 170m² thuộc thửa đất số 158, tờ bản đồ số 11 được UBND huyện C cấp Giấy CNQSD đất số AM 445074 cho ông Y Ngũk N, bà H Djan A1 vào ngày 17/11/2008 (ngày 29/3/2021 được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C chỉnh lý biến động sang tên ông Lê Thanh H). Diện tích đất còn lại thì chưa được cấp Giấy CNQSD đất. Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì năm 2021 bị đơn ông V, bà X xây nhà tại thửa đất giáp ranh với đất của ông H, khi xây nhà bị đơn lấn chiếm qua phần đất nên ông Lê Thanh H đã làm đơn kiến nghị đến UBND xã C, quá trình hòa giải các bên thoả thuận xác định ranh giới cho các bên. Theo thoả thuận bị đơn trả cho nguyên đơn trị giá phần đất lấn chiếm

số tiền 30.000.000 đồng. Sau đó bị đơn ông V, bà X tiếp tục lấn chiếm đất xây tường rào bao quanh lấn sang phần đất đường bê tông và phần đất của nguyên đơn ông H, đã hiển làm đường. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần diện tích đất lấn chiếm từ móng nhà bị đơn đến mép đường bê tông diện tích khoảng 80m².

[2.2]. **Bị đơn ông V, bà X cho rằng:** Bị đơn xây dựng nhà và sử dụng đất theo đúng diện tích thửa đất mà bị đơn đã nhận chuyển nhượng từ bà H Nhách A2 (là con gái của ông Y Ngũk N) vào năm 2021 không lấn chiếm đất của nguyên đơn ông Lê Thanh H.

[2.3]. Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ xét thấy: Nguồn gốc đất của nguyên đơn và bị đơn đều nhận chuyển nhượng ông Y Ngũk N cụ thể: Ông Y N2 chuyển nhượng cho nguyên đơn 400m² đất nằm 02 thửa đất số 158, tờ bản đồ số 11, diện tích 170m², thửa đất còn lại chưa được cấp Giấy CNQSD đất;

Thửa đất số 432 (cũ 157c) tờ bản đồ số 11 ông Y N2 chuyển nhượng cho con là bà H Nhách A2. Năm 2021, bà H Nhách A2 chuyển nhượng cho bị đơn, 02 thửa đất nằm kề nhau.

- Theo kết quả đo đạc của Công ty Đ thể hiện: Diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn chỉ dẫn có diện tích 72,8m² có tứ cận phía bắc giáp đường đi có chiều dài 06m; phía nam giáp phần đất còn lại của ông V, bà X có chiều dài 3,53m; phía đông giáp phần đất của ông H có chiều dài 16,04m; phía tây giáp phần đất còn lại của ông V, bà X có chiều dài 15,48m.

- Do không đồng ý với kết quả đo đạc của Công ty Đ về diện tích tranh chấp nên bên phía nguyên đơn có đơn yêu cầu thẩm định, đo đạc lại.

- Theo kết quả đo đạc ngày 27/8/2025 của Công ty Cổ phần Đ1 thể hiện: Diện tích đất tranh chấp theo nguyên đơn chỉ dẫn có tứ cận phía bắc giáp đường đi có chiều dài 05m; phía nam giáp phần đất còn lại của ông V, bà X có chiều dài 1,6m; phía đông giáp phần đất của ông H có chiều dài 17,15m; phía tây giáp phần đất còn lại của ông V, bà X có chiều dài 17,58m diện tích **56,1m²**. Do đó, cần xác định diện tích tranh chấp mà nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là **56,1m²**.

Lồng kết quả hiện trạng các bên đang sử dụng đất thực tế lên bản đồ địa chính số 11; diện tích hiện trạng ông H đang sử dụng là **347.3 m²**. Ông V, bà X đang sử dụng là **506,8 m²** (bao gồm cả phần diện tích đất đang tranh chấp là 56,1m²), trong khi Diện tích đất mà ông V, bà X được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM335953 là **598,3m²**.

[2.4]. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đối chiếu tờ bản đồ số 11, xã C và giấy CNQSD đất của ông Lê Thanh H thì thửa đất số 158 của ông H có phía tây giáp thửa đất

số 432 (cũ 157c) của ông V, bà X và phía bắc giáp thửa đất số 154, không thể hiện giáp con đường đi;

Thửa đất số 432 (cũ 157c) của ông V, bà X có phía đông giáp thửa đất số 158 của ông H; phía bắc giáp thửa đất số 154 và giáp thửa đất số 155 cũng không thể hiện phía bắc tiếp giáp con đường đi. Tuy nhiên, hiện nay có con đường bê tông được mở tiếp giáp cạnh phía bắc của thửa đất số 432 (cũ 157c) của ông V, bà X và thửa đất số 158 của ông H. Phần diện tích đất mà nguyên đơn ông H yêu cầu bị đơn trả lại nằm hoàn toàn trong diện tích con đường ông H tự mở. Phần đất con đường tự mở nằm trong diện tích đất được cấp trong giấy CNQSD đất của bị đơn ông V, bà X. Qua đó xác định ông V, bà X không có hành vi lấn chiếm đất của ông H. Thực tế, phần đất của bị đơn ông V, bà X đang sử dụng còn thiếu so với đất được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2.5]. Đối với yêu cầu hủy biên bản làm việc ngày 07/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã C thấy rằng, vào năm 2021, ông H cho rằng ông V, bà X lấn chiếm đất của mình nên đã gửi đơn kiến nghị đến Ủy ban nhân dân xã C. Các bên đã được Ủy ban nhân dân xã giải quyết và lập biên bản vào ngày 07/5/2021, theo đó các bên đã đồng ý thỏa thuận chuyển nhượng và thống nhất xác định ranh giới giữa thửa đất số 158 của ông H và thửa đất số 432 của ông V, bà X. Theo đó ông V, bà X cũng thỏa thuận giao số tiền 30.000.000 đồng cho ông H theo như nội dung Biên bản làm việc ngày 07/5/2021. Đây là biên bản ghi nhận ý kiến của các bên không phải đối tượng khởi kiện nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

[2.6]. Tại biên bản đối chất tại cấp sơ thẩm phía nguyên đơn cho rằng: Nguyên nhân xảy ra tranh chấp do ông V, bà X khi xây tường rào bị đơn không bỏ ra 70 cm theo chiều ngang để mở rộng đường đã xây lấn qua phần đất mà nguyên đơn hiến làm đường, theo như phân tích tại mục [2.4] xác định phần đất con đường tự mở mà các bên tranh chấp nằm hoàn toàn trong diện tích đất của bị đơn ông V, bà X được cấp trong giấy CNQSD đất.

Từ những phân tích, nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

[3]. Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản với chi phí là 6.700.000 đồng. Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ lại là 7.200.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh H không được chấp nhận nên nguyên đơn ông Lê Thanh H phải chịu các chi phí tố tụng nêu trên. Ông H đã chi phí xong.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn ông Lê Thanh H không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì xác định lại diện tích tranh chấp, do đó ông H phải chịu án phí cụ thể: 174.708.015 đồng x 5% = 8.735.400 đồng.

[4.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Không nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 24/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đắk Lắk).

[2]. Điều luật áp dụng: Áp dụng: Điều 174, Điều 175, Điều 176 Bộ luật dân sự; Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 26, khoản 2 Điều 27, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1]. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Thanh H về việc buộc ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị X trả lại diện tích đất 56.1m² tại buôn H, xã C, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

[2.2]. Về chi phí tố tụng: Ông Lê Thanh H phải chịu 13.900.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm ngàn đồng) tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm. Ông H đã chi phí xong.

[2.3]. Về án phí:

[2.3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Thanh H phải chịu 8.735.400 đồng (Tám triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2023/0007573 ngày 06/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Đắk Lắk), ông Lê Thanh H còn phải nộp số tiền 8.435.400 đồng (làm tròn 8.435.000 đồng (Tám triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn đồng)).

[2.3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Thanh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0004843 ngày 28/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (nay là

Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 tỉnh Đắk Lắk).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà phúc thẩm TANDTC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 3 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Thị Tuyết